

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH GIA LAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-PT
Ngày 03/01/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Viết Toàn

Các Thẩm phán:

1- Ông Nguyễn Tiến Sỹ.

2- Ông Nguyễn Văn Sinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 104/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng T; địa chỉ: H, tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái Đ; địa chỉ: L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Trịnh Đăng H; địa chỉ: T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền ngày 30/11/2023). (Có mặt).

3- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thái H; địa chỉ: L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có yêu cầu xin xét xử mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thái Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. *Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:*

Ông mua của ông Nguyễn Thái Đ 01 xe ô tô hiệu Mitsubishi Pajero biển kiểm soát 36L-9987 với thỏa thuận: Xe đủ giấy tờ để lưu hành: Giấy đăng ký xe, đăng kiểm xe và chứng nhận bảo hiểm, giá là 100.000 đồng. Ngày 01/12/2019 ông

đến nhà ông Đ giao đủ 100.000.000 đồng và nhận xe cùng Giấy tờ xe gồm: Giấy đăng ký xe số 0003465 tên chủ sở hữu là Công ty TNHH H, ghi số khung: 360SJ01035; số máy: BA1308, kèm Giấy chứng nhận kiểm định ATK & BVMT phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 0366358 và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe và Giấy bán xe do ông Nguyễn Thái H viết tay. Ngày 17/12/2019 ông bán xe trên cho ông Phạm Huy T. Đến ngày 24/4/2020 ông T đi đăng kiểm xe tại Công ty TNHH đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Gia Lai (Trung tâm đăng kiểm XCG 8103D) thì bị Trung tâm đăng kiểm XCG 8103D thu hồi Giấy chứng nhận ATK&BVMT và tem kiểm định cơ giới với lý do khung, số máy trên phương tiện không đúng với hồ sơ gốc nên ông T đã trả lại xe trên cho ông. Cùng ngày 24/4/2021 ông đưa xe trả lại cho ông Đ và yêu cầu ông Đ trả lại tiền 100.000.000 đồng đã nhận nhưng ông Đ chỉ nhận xe không trả lại tiền cho ông và yêu cầu ông đề nghị Cơ quan Công an giải quyết. Ông trình báo với Công an thành phố P, tại T báo số 985/TB-ĐTTH ngày 29/8/2022 Công an thành phố P kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 36L-9987 do ông Nguyễn Thái Đ bán cho ông Nguyễn Trọng T đã bị thay đổi số khung, số máy, không xác định được chữ số nguyên thủy nên không xác định được nguồn gốc của xe ô tô trên, đồng thời chưa có căn cứ xác định Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 36L-9987 số 0003465 là giả nhưng Giấy đăng ký xe trên đã bị thu hồi từ ngày 09/01/2012 theo thông báo của đội đăng ký xe phòng CSGT- Công an tỉnh Gia Lai ngày 28/4/2021. Hiện đã có kết luận của Cơ quan Công an nhưng ông Đ không trả lại ông tiền mua xe đã nhận, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thái Đ trả cho ông 100.000.000 đồng.

1.2. Bị đơn ông Nguyễn Thái Đ trình bày:

Ông Nguyễn Thái Đ và Nguyễn Trọng T có quen biết nhau do cùng kinh doanh xe ô tô cũ. Khi biết ông Đ có mua được ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Pajero biển kiểm soát 36L-9987 thì ông T muốn mua lại để bán kiếm lời nên ngày 04/11/2019 ông T đã cùng với ông Đ đi đăng kiểm xe tại Trung tâm đăng kiểm XCG81.03D. Thời điểm này ông T biết rõ tình trạng xe không bị đục lại số khung, số máy, đủ điều kiện lưu hành và Giấy đăng ký xe hợp pháp nên đã đồng ý mua xe với giá là 100.000.000 đồng. Ngày 01/12/2019, do đang đi công việc ở xa và ông T cần nhận xe ngay để bán cho người khác nên ông Đ đã nhờ em trai là Nguyễn Thái H thực hiện việc giao dịch mua bán xe ô tô với ông T. Việc mua bán xe giữa ông Đ và ông T là tự nguyện, không liên quan gì với ông H. Tại thời điểm bán xe cho ông T thì xe có đủ giấy tờ hợp pháp, không bị đục lại số khung, số máy, đủ điều kiện lưu hành và Giấy đăng ký xe. Vì là xe không chính chủ nên hai bên không lập hợp đồng công chứng được nhưng ông Đ và ông T đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ: Cụ thể: Ngày 01/12/2019 ông T đã giao đủ cho ông Đ 100.000.000 đồng tiền mua xe, và ông T đã nhận xe cùng các Giấy tờ: Giấy đăng ký xe số 0003465 tên chủ sở hữu là Công ty TNHH H, ghi số khung: 360SJ01035; số máy: BA1308, kèm Giấy chứng nhận kiểm định ATK & BVMT phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 0366358 và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe và Giấy bán xe do ông Nguyễn Thái H viết tay. Sau đó ông T đã bán lại xe trên cho ông Phạm Huy T, ông T sử dụng xe trong một thời gian dài nhưng không có tranh chấp hay khiếu nại gì chỉ đến khi ông T đưa xe trên đi đăng kiểm lại vào ngày 24/4/2020 thì Đăng kiểm viên phát hiện số khung, số máy có dấu hiệu đục lại nên đã thu hồi tem kiểm định số

KD 036358 và ông T đã mang xe trả lại cho ông Đ, hiện xe trên đang để tại kho nhà ông Đ. Khi ông T trả xe ông Đ, ông Đ có đề nghị trả lại cho ông T 60.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý. Ông Đ không biết xe bị đục lại số khung và số máy từ khi nào và cũng không biết Giấy đăng ký xe đã bị thu hồi vì xe ông Đ cũng mua lại từ người khác. Việc mua bán xe đã hoàn tất, không đồng ý yêu cầu trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho ông T, và sẽ trả lại xe trên cho ông T, vì hiện Giấy đăng ký xe đã bị thu hồi, xe không đăng kiểm được nữa nên ông Đ không thể bán lại cho ai được nữa. Ông Đ yêu cầu: công nhận hiệu lực của giao dịch mua bán xe ô tô biển kiểm soát 36L- 9978 giữa ông Nguyễn Thái Đ và ông Nguyễn Trọng T và không chấp nhận trả lại 100.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T.

1.3. Người liên quan ông Nguyễn Thái H trình bày:

Ông là em ruột của ông Nguyễn Thái Đ. Về tình trạng xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Pajero biển kiểm soát 36L-9987, giấy tờ liên quan đến xe và thỏa thuận mua bán xe giữa ông Nguyễn Trọng T và ông Nguyễn Thái Đ như thế nào ông không rõ do xe là của ông Đ. Ngày 01/12/2019 do ông Đ đi công việc ở xa nên có nhờ ông giao xe và Giấy tờ liên quan cho ông T và nhận của ông T 100.000.000 đồng tiền bán xe, số tiền 100.000.000 đồng tôi nhận từ ông T đã giao lại cho ông Đ. Ông không có ý kiến gì về việc ông T khởi kiện ông Đ. Ông bận công việc nên không thể có mặt khi Tòa án triệu tập.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 104/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều: Khoản 3 Điều 40, Điều 116, 117, 119, 122, 123, 131, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T. Không chấp nhận yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng mua bán xe của ông Nguyễn Thái Đ.

Tuyên bố giao dịch mua bán xe ô tô theo Giấy bán xe giữa ông Nguyễn Thái H và ông Nguyễn Trọng T vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Thái Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Thái Đ có đơn kháng cáo sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T không kháng cáo.

- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị y án sơ thẩm.

- Bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn công nhận giao dịch mua bán xe ô tô giữa ông Nguyễn Thái Đ và ông Nguyễn Trọng T có hiệu lực pháp luật và bổ sung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng như: Không xác minh làm rõ ai là người đã đục số khung, số máy.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thái Đ; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 104/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thái Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án có nhận định thỏa thuận liên quan đến việc giao dịch mua bán tài sản, việc các bên không thể thực hiện hợp đồng do hoàn toàn lỗi của bị đơn ông Nguyễn Thái Đ nên hợp đồng bị vô hiệu. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T nộp tạm ứng án phí không có giá ngạch đối với “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án là thiếu sót. Tuy nhiên, xét thấy ở giai đoạn sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thái Đ đã có đơn phản tố yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán tài sản và việc giải quyết vụ án vẫn bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được là đúng sự thật, bản chất của vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Thái Đ về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng chưa xác minh làm rõ ai là người đã đục số khung, số máy và sửa bản án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn công nhận giao dịch mua bán xe ô tô giữa

nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T và ông Nguyễn Thái Đ có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Khoản 1 Điều 106 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là bất động sản được đăng ký theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đăng ký tài sản.”

Điểm b khoản 2 Điều 8 T tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, quy định:

“2. Giấy tờ chuyển quyền sở hữu xe, gồm một trong các giấy tờ sau đây:

b) Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân có xác nhận công chứng hoặc chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác đối với lực lượng vũ trang và người nước ngoài làm việc trong cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế mà đăng ký xe theo địa chỉ của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác.”

Khoản 2 Điều 119 Bộ luật Dân sự quy định:

“2. Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó.”

Như vậy, xe ô tô hiệu Mitsubishi Pajero biển kiểm soát 36L-9987 là tài sản phải được đăng ký, hợp đồng bán xe phải có xác nhận công chứng hoặc chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo đúng quy định của pháp luật.

Nhưng qua các chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và lời trình bày tại phiên tòa thể hiện: Vào ngày 01/12/2019, ông Nguyễn Trọng T và ông Nguyễn Thái Đ có thực hiện giao dịch mua bán xe ô tô hiệu Mitsubishi Pajero biển kiểm soát 36L-9987 với giá 100.000.000 đồng ghi nhận tại “*Giấy bán xe*” do ông Nguyễn Thái H viết tay, xe không chính chủ nên các bên không chứng thực được việc mua bán nên hợp đồng vi phạm về hình thức, bị vô hiệu và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết hợp đồng mua bán chiếc xe nêu trên. Mặc khác, xe ô tô hiệu Mitsubishi Pajero mang biển kiểm soát 36L-9987 đã bị thay đổi số khung, số máy, không xác định được chữ số nguyên thủy, nên không xác định được nguồn gốc của xe ô tô trên (*Bút lục 86*), nên các bên đương sự dù thỏa thuận được thì cũng không thể công chứng, chứng thực, đăng ký được hợp đồng mua bán tài sản và được cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Đối với nội dung bổ sung kháng cáo tại phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, không xác minh làm rõ ai là người đã đục số khung, số máy. HĐXX thấy rằng: Tại văn bản số 86/8103D ngày 11/9/2023 của Công ty TNHH đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Gia Lai (Trung tâm đăng kiểm XCG 8103D) đã trả lời rõ những nội dung Tòa án xác minh. Mặc khác, khi bị đơn ông Nguyễn Thái Đ bán xe và giao xe ô tô biển kiểm soát 36L-9987 cho ông Nguyễn Trọng T, ông Đ không lập biên bản giao nhận tình trạng, chất lượng, chủng loại xe... Sau đó, ông T trả xe cho ông Đ thì ông Đ nhận xe biển kiểm soát 36L-9987 cũng không lập biên bản hoặc báo cáo với bất cứ ai về tình trạng, chất lượng, chủng loại xe; trong khi đó thực tế hiện nay xe biển kiểm soát 36L-9987 hiện ông Đ đang quản lý tại kho nhà của mình, đây là do lỗi của ông Nguyễn Thái Đ.

Trong giai đoạn phúc thẩm cũng tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Nguyễn Thái Đ không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T tuyên bố giao dịch mua bán xe ô tô theo Giấy bán xe giữa ông Nguyễn Thái H và ông Nguyễn Trọng T vô hiệu, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở, đúng quy định.

[3]. Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thái Đ không có cơ sở để chấp nhận cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Thái Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Thái Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 104/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng Khoản 3 Điều 40, Điều 116, 117, 119, 122, 123, 131, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T. Không chấp nhận yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng mua bán xe của ông Nguyễn Thái Đ.

Tuyên bố: Hợp đồng mua bán xe ô tô theo “**Giấy Bán Xe**” (Bút lục 88), giữa ông Nguyễn Thái H và ông Nguyễn Trọng T vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Thái Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Trọng T số tiền **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thái Đ phải nộp 5.000.000 (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 (ba trăm nghìn đồng) về án phí dân sự không có giá ngạch, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000101 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Do đó, ông Nguyễn Thái Đ còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ông Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà cho ông T đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002917 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thái Đ phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) mà ông Đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001282 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THA dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Viết Toàn